

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 30-3-2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy
2. Ông Nguyễn Thái Duy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 324/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2020 về việc: “ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXX - ST ngày 24 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Mỹ D sinh năm: 1996

Địa chỉ: Thôn 8, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Anh Quang Văn T sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị D, anh T đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ D trình bày: Chị và anh Quang Văn T xây dựng gia đình với nhau năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Đồn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 05/8/2014. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc được

hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, anh T không chăm lo phát triển kinh tế gia đình và thường xuyên đánh đập chị. Chị cũng đã tâm sự, khuyên anh T nhưng anh T không thay đổi. Hiện vợ chồng đã ly thân từ năm 2015, trong thời gian ly thân thì vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị D xác định không còn tình cảm với anh T nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung chị D xác định trong quá trình chung sống có 01 con chung là Quang Nhật H, sinh ngày 01/3/2014. Khi ly hôn chị đề nghị giao con cho anh T nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị D không trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Quang Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt khi Tòa án triệu tập và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời anh T không xuất trình tài liệu chứng cứ nào cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt và Tòa án đã tổng đạt hợp lệ kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T nhưng anh T không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Mỹ D, xử cho chị D được ly hôn với anh T. Về con chung giao con chung cho anh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Đề nghị buộc chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, bị đơn anh Quang Văn T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt chị D và anh T theo thủ tục chung là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T xây dựng gia đình với nhau năm 2014 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Dòn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 05/8/2014. Quá

trình vợ chồng chung sống không hòa thuận hạnh phúc nên chị D làm đơn ly hôn. Tại phiên tòa, chị D và anh T vắng mặt nhưng trong đơn ly hôn và bản tự khai chị D xác định do anh T không lo tu chí làm ăn, hay uống rượu và thường xuyên đánh đập chị nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã tự sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian này chị D về sống cùng cha mẹ tại Đắc Lắc còn anh T vẫn sinh sống tại huyện Lâm Hà, Lâm Đồng, các đương sự không liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T đều vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và cũng không thể hòa giải được, điều này cũng chứng tỏ anh T không có thiện chí để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D. Vì vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự do thời gian các đương sự ly thân đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị D, xử cho chị D và anh T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị D và anh T có một con chung là Quang Nhật H, sinh ngày 01/3/2014. Khi ly hôn chị D đề nghị giao con cho anh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chị không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu H đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở cùng anh T, đồng thời từ khi vợ chồng ly thân thì cháu vẫn sống cùng với anh T, do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo tâm lý ổn định cho trẻ, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho anh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con do anh T không có lời khai, không thể hiện có yêu cầu gì nên chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; Điều 227, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị Mỹ D, xử cho chị Phạm Thị Mỹ D và anh Quang Văn T được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con là Quang Nhật H, sinh ngày 01/3/2014 cho anh Quang Văn T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Chị Phạm Thị Mỹ D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị Mỹ D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007682 ngày 29/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị D đã nộp đủ án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Ban tư pháp xã Đa Dòn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như Quỳnh